

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày: 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thông

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐHPTST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐHPTST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đàm Trịnh Anh T (tên gọi khác C), sinh năm 1997, tại B Dương; Hộ khẩu thường trú: khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Đức L, sinh năm 1963 (chết) và bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2020 cho đến nay (có mặt).

2. Đàm Trịnh Ph (tên gọi khác G), sinh năm 1990, tại B Dương; Hộ khẩu thường trú: khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Đức L, sinh năm 1963 (chết) và bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/4/2020 cho đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Trần Đức Tr (tên gọi khác B1), sinh năm 1992, tại Tây Ninh; Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã BC, huyện DM, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1968 và bà Trần Kim B2, sinh năm 1968; vợ tên Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh năm 1992; bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 52/2020/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4. Nguyễn Văn D (tên gọi khác N), sinh năm 1985, tại Tây Ninh; Hộ khẩu thường trú: Ấp BN, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1954; vợ tên Nguyễn Thị Cẩm V1, sinh năm 1992; bị cáo có 03 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/4/2020 cho đến nay (có mặt).

5. Nguyễn Hữu Lợi H (tên gọi khác X), sinh năm 1993, tại B Dương; Hộ khẩu thường trú: khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1956 và bà Lợi M2, sinh năm 1952 (chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 33/2019/HS-ST ngày 04/3/2019 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Nhân thân:

- Ngày 17/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1527/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với Nguyễn Hữu Lợi H thời hạn 24 tháng.

- Ngày 18/6/2015, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 19/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Hữu Lợi H thời hạn 24 tháng.

- Tại Bản án số 51/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tại Bản án số 183/2020/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

1. Bị hại:

1.1. Ông Trần Thanh B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

1.2. Anh Phạm Việt T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố 4A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

1.3. Chị Dương Ngọc A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Anh Trần Minh H1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2.2. Anh Ngô Mạnh H2, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Hòa Cường, xã MH, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2.3. Anh Nguyễn Trung V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp K, xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Trần Phương H3 (vắng mặt).

3.2. Anh Thạch Th (vắng mặt).

3.3. Anh Nguyễn Hữu Lợi Ph1 (vắng mặt).

3.4. Anh Trương Hải M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Trịnh Anh T, là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền sử dụng chất ma túy T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, trong khoảng thời gian từ ngày 18/3/2020 đến ngày 10/4/2020 T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với trị giá chiếm đoạt là 34.500.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ 00 ngày 18/3/2020, bị cáo Đàm Trịnh Anh T đi bộ đến khu phố 4A, thị trấn D, huyện D tìm tài sản để trộm cắp, khi đến nhà anh Phạm Việt T1, sinh năm 1983, T trèo qua hàng rào vào sân rồi tiếp tục trèo qua vách tường (Vách lợp làm bằng tôn, mica) để vào phòng bếp của anh T, Ph1 hiện trong bếp có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Balde, màu sơn: đỏ đen, biển số: 61H1 - 283.26 (trên xe có sẵn chìa khóa xe), T lục tìm và lấy được chìa khóa mở cổng để trên tủ phòng khách rồi đẩy xe ra ngoài cổng, mở khóa cổng rồi điều khiển xe mô tô biển số: 61H1 - 283.26 đến nhà Thạch Th tại khu phố 3,

thị trấn D, huyện D nhưng không có Th ở nhà lúc này có Nguyễn Hữu Lợi H đang ở nhà Th, T nói với H1: “xe vừa lấy trộm được, giờ kiếm chỗ bán” H nghe và đồng ý rồi T kêu H cùng đi đến khu vực, thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để tìm chỗ bán xe, H đồng ý. Tiếp đó, T điều khiển xe mô tô biển số: 61H1 - 283.26 trộm được chở H tìm chỗ bán xe, do chưa bán được xe nên khoảng 09 giờ ngày 18/3/2020 H chở T đến nhà bạn của H tên Ng (không rõ lai lịch) ngụ tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương chơi và nghỉ lại. Đến sáng ngày 19/3/2020, H kêu T ở lại nhà Ngân để H điều khiển xe mô tô biển số: 61H1 - 283.26 đi tìm chỗ bán và đưa cho T 01 điện thoại di động Samsung, Galaxy A7 cho T sử dụng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô trên quay về nhà Ngân, lúc này T đã đón xe đi về thị trấn D. H điều khiển xe mô tô biển số: 61H1 - 283.26 đến ấp Bến Tranh, xã TA, huyện D cầm cố cho một người nam (không rõ nhân thân, lai lịch; khi cầm H nói là xe của H1) được 2.000.000 đồng. Ngày 25/3/2020, H lên trang mạng Facebook thì gặp bạn tên Ngô Mạnh H2, sinh năm 1986, ngụ ấp Hòa Cường, xã MH, huyện D và kêu bán xe mô tô trên cho H2. H2 đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng và hẹn H2 đi đến Công ty gỗ Phú Định tại xã TA, huyện D gặp H để bán xe. Sau khi thỏa thuận với H2, H dẫn H2 tìm đến người thanh niên mà H đã cầm cố xe trước đó, xin chuộc lại xe và trả tiền lãi cầm xe 50.000 đồng, xong H bán xe mô tô này cho H2. H2 đưa cho H số tiền 2.4000.000 đồng để chuộc xe, sau khi H chuộc xe đưa cho H2, thì H2 đưa tiếp cho H số tiền 1.600.000 đồng, H2 hẹn H 10 ngày sau, khi H giao giấy đăng ký xe H2 sẽ giao đủ số tiền 4.000.000 đồng còn lại, H đồng ý. Tuy nhiên, sau đó H2 liên lạc với H nhưng không được và trong thời gian đi làm thuê tại tỉnh Bình Phước, H đã bị mất trộm chiếc xe này nên không thu hồi được để xử lý.

Còn anh Phạm Việt T1, sau khi Ph1 hiện bị mất xe mô tô, đã trình báo sự việc với Công an thị trấn D, huyện D để giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 17/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện D xác định xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, màu đỏ, biển số 61H1 – 283.26, trị giá: 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 00 giờ ngày 28/3/2020, Đàm Trịnh Anh T đi bộ từ Trường mầm non 13/3 đến ngã tư Cầu Cát thuộc khu phố 2, thị trấn D, huyện D tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà của Dương Ngọc A, sinh năm 1982 ngụ tại số nhà 100, đường Độc Lập, khu phố 2, thấy nhà đang sửa chữa không có người trông coi nên T đi vào nhà tìm tài sản để lấy trộm, T phát hiện trong nhà có 01 tủ đựng quần áo nên lục soát, Ph1 hiện và lấy trộm 01 (một) laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc; 01 (một) Ipad (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, J2, màu hồng rồi đem về nhà tại khu phố 2, thị trấn D cất giấu. Đến khoảng 12 giờ ngày 29/3/2020, T gọi điện thoại di động cho bạn tên Trần Minh H (tên gọi khác: H Hà), sinh năm 1991, ngụ tại khu phố 2, thị trấn D để nhờ H đem bán tài sản trộm được. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, H đến nhà T gặp T và T đưa cho H số tài sản gồm: 01 (một) laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc, 01 (một) IPAD (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng và T nói với H đây là tài sản T lấy trộm

được, H nghe và đồng ý lấy tài sản trên đi bán. Sau khi nhận được tài sản trên, H đem bán chiếc IPAD (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng cho tiệm sửa điện thoại Thủy Tiên tại khu phố 4A, thị trấn D, do anh Nguyễn Ngọc Thủy Tâm, sinh năm 1988 làm chủ, được 900.000 đồng (khi bán H nói là tài sản của H1, sau đó anh Tâm đã bán lại cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu hồi được để xử lý), số tiền này H và T cùng sử dụng mua ma túy, đã sử dụng hết, còn 01 (một) laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc do bị bể màn hình nên H đưa cho bạn tên Nghĩa (không rõ nhân thân, lai lịch) để trừ nợ (không thu hồi được). Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, J2, màu hồng do không sử dụng được nên T giữ lại sau đó đã vứt bỏ và không xác định được nơi vứt nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D không có căn cứ để thu hồi xử lý.

Sau khi Ph1 hiện bị mất tài sản chị A đã trình báo Công an thị trấn D để giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 35/KL_HĐĐG ngày 29/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện D xác định trị giá: 01 (một) Laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc (đã qua sử dụng), giá trị: 1.000.000 đồng (một triệu đồng); 01 (một) Ipad (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng (đã qua sử dụng), giá trị: 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2, màu hồng (đã qua sử dụng), giá trị: 750.000 (bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng tài sản trong vụ án là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 10/4/2020, Đàm Trịnh Anh T điều khiển xe mô tô wave, biển số: 61T8-5648 chở Trần Phương H3 (tên thường gọi: Xỉn), sinh năm 1993, ngụ khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương đi từ nhà của T tại khu phố 2, thị trấn D đến nhà của Thạch Th (tên thường gọi: Đen), sinh năm 2000, ngụ khu phố 3, thị trấn D huyện D, tỉnh Bình Dương chơi. Tại nhà của Th lúc này có Đàm Trịnh Ph là anh ruột của T đang ngồi chơi nên T, H3, Th và Phở tại đây chơi. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, thì T nói với cả nhóm là T đi ra ngoài có công chuyện. Sau đó, T đi bộ một mình xuống phía sông Sài Gòn thuộc khu phố 1, để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Trần Thanh B, sinh năm 1965, ngụ khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (nhà có hàng rào B40 bao xung quanh, cửa cổng bằng sắt). Quan sát thấy cửa nhà không khóa, T trèo qua cổng vào phía trong, đi thẳng vào cửa chính nhà, trong nhà thấy có hai chiếc xe mô tô: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, đen, biển số: 61H1 - 417.82 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 - 7173 để ở phòng khách nên T đẩy xe Vision ra để ở sân (phía trong cổng) rồi quay lại phòng khách tìm và lấy được chìa khóa xe và chìa khóa cổng để trên tủ, ra mở cổng và mở khóa xe Vision, biển số: 61H1 - 417.82 nhưng không mở được nên T quay vào nhà mở khóa xe mô tô Future biển số: 61V1 - 7173 thì mở được khóa. Liền đó, T đẩy xe mô tô Future biển số: 61V1 - 7173 ra ngoài khởi động máy xe và điều khiển chạy đến nhà của Th dừng phía ngoài đường. Lúc này, khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/4/2020 T thấy H3, Th còn Ph đang còn ngồi trong nhà của Th nên T đến nói

với Ph là vừa lấy trộm được xe này, giờ kiếm chỗ bán và T mượn điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại 1100 của Ph để liên hệ tìm người để bán xe mô tô trên, Ph đồng ý và đưa cho T mượn. T lấy điện thoại tháo sim ra và gắn sim điện thoại của T vào để gọi điện thoại di động cho Nguyễn Trần Đức Tr hỏi cầm xe mô tô trên, Tr nói là Tr không còn cầm xe, để Tr tìm người cầm xe cho T và hỏi T xe ở đâu mà có, xe có giấy tờ không, T trả lời là xe không có giấy tờ, Tr hỏi T xe của ai mà đem cầm, có phải xe ăn cắp không? T không trả lời nên Tr biết đây là xe do T trộm cắp hay chiếm đoạt của người khác mà có. Sau đó, Nguyễn Hữu Lợi Ph1 (Tên thường gọi: Lũ), sinh năm 1989, ngụ tại khu phố 5, thị trấn D, huyện D điều khiển xe mô tô đến nhà Th gặp H3, Th, Ph và T tại đây, chơi khoảng 10 phút thì cả nhóm rủ nhau đến nhà của Ph1 tại khu phố 5, thị trấn D chơi. Đến nơi, T nói với Ph1 cầm cho T chiếc xe mô tô Future với giá tiền là: 1.000.000 đồng (một triệu đồng), Ph1 nói chỉ có 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) nên không đủ tiền cầm và T không nói cho Ph1 biết là xe mô tô này do T trộm mà có nên mọi người ở tại nhà Ph1 chơi. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện thoại lại cho Tr, T hỏi Tr có tìm được người cầm xe không, T nói với T để hỏi Nguyễn Văn D xem có chỗ nào cầm xe hay không và nếu Tr giúp T cầm được xe thì T phải cho Tr tiền tiêu xài, T đồng ý. Khi đó, T nói với Ph là đã tìm được chỗ cầm xe rồi, xong Th điều khiển xe mô tô wave, biển số: 61T8-5648 chở Ph đi về nhà ngủ trước, Huy ở lại nhà Ph1 ngủ.

Khi T điện thoại nói chuyện với Tr thì lúc này Tr đang ở nhà của D và Tr nói với D là T có chiếc xe mô tô không giấy muốn kiếm chỗ cầm cố, D nói là xe của ai, có giấy không? Tr nói là “xe này không có giấy, do nó lấy của người nhà nó đem cầm”, D nghe nói vậy nên biết đây là xe mô tô do T trộm cắp của người khác mà có và nhờ D, Tr tìm chỗ cầm cố dùm T. Rồi D nói với Tr là có người quen cầm xe ở xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để sáng D liên hệ dùm cho. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, T điều khiển xe Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 - 7173 trộm được đi đến nhà D tại ấp Bà Nhã, xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh gặp Tr và D. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, D dùng điện thoại di động gọi cho anh Trương Hải M (Tên gọi khác: Sâm), sinh năm 1972, ngụ ấp Khởi Hà, xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để hỏi cầm xe dùm cho T. Anh Minh không có cầm xe nên gọi điện cho anh Nguyễn Trung V (Tên gọi khác: Bé), sinh năm 1990, ngụ ấp KH, xã CK, huyện DM, Tây Ninh để hỏi V thì V đồng ý cầm xe và hẹn mang xe qua xã Cầu Khởi. Khoảng 08 giờ, cùng ngày Tr điều khiển xe mô tô, biển số: 70E1-84035 của Tr chở D cùng T điều khiển xe mô tô Future đi đến quán cà phê ở xã CK, huyện DM gặp anh V và anh Minh để cho anh V xem xe, sau khi thỏa thuận, V đồng ý cầm xe mô tô Future với giá tiền: 4.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng là 400.000 đồng và phải trả lãi suất trước, T nghe và đồng ý. Anh V đưa cho T 3.600.000 đồng, T nhận tiền và lấy 1.000.000 đồng cho Tr, cho D 400.000 đồng. T còn số tiền: 2.200.000 đồng. Sau đó, T đón xe ôm đi về hết 200.000 đồng, T mua ma túy đá hết 200.000 đồng đem về nhà T tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D rồi cùng với Huy, Th và Ph sử dụng chung (T không nói cho Th và

Huy biết việc T bán xe lấy tiền mua ma túy), còn lại số tiền 1.800.000 đồng T để tiêu xài cá nhân hết.

Việc T đẩy xe mô tô Vision, biển số: 61H1 - 417.82 của anh B ra ngoài sân nhưng không mở được khóa rồi bỏ lại là do xuất Ph1 tự ý chỉ chủ quan của T, không có ai ngăn cản, T thực hiện hành vi trộm cắp một mình và sau khi T lấy trộm được chiếc xe mô tô hiệu Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 - 7173 của ông B, T cũng không có ý định để quay lại chiếm đoạt chiếc xe mô tô, biển số 61H1 - 417.82. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D không thu giữ chiếc xe mô tô, biển số 61H1 - 417.82 để định giá tài sản cũng như truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T về hành vi này.

Còn ông Trần Thanh B, sau khi Ph1 hiện bị mất xe mô tô biển số: 61V1 - 7173 đã trình báo cơ quan công an giải quyết.

Ngày 12/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập biên bản thu giữ chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 - 7173 tại nhà của Đào Trung V thuộc ấp Khởi Trung, xã Cầu Khởi, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

Tại Kết luận định giá tài sản số: 15/KL_HĐĐG ngày 17/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện D xác định trị giá xe mô tô hiệu Honda, loại Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 - 7173, trị giá: 21.000.000 (hai mươi một triệu đồng).

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu giữ các đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án gồm: 01 điện thoại di động, hiệu Oppo A37FW mạ vàng, số Imei 1: 866346031752090 của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 111p màu trắng đen, số Imei: 356796/20/547666/9; 01 điện thoại di động hiệu Ivvi Coolpad màu vàng đồng của Đàm Trịnh Ph; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu vàng model A1688 Fee ID: BCG E29464 IC: 579C-E2946A và tiền Việt Nam 1.000.000 đồng của Nguyễn Trần Đức Tr.

Ngày 01/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 25/QĐ giao trả chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 - 7173 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Trần Thanh B, hiện tại anh B không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với hành vi của Trần Minh H biết rõ 01 (một) Laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc, giá trị là 1.000.000 đồng; 01 (một) Ipad (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng, giá trị: 750.000 đồng do Đàm Trịnh Anh T trộm cắp có được đã có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên do trị giá tài sản H tiêu thụ là 1.750.000 đồng, không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự nên Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Minh H1, về hành vi nêu trên.

Đối với hành vi của người nam (không rõ nhân thân, lai lịch) và Ngô Mạnh H2 nhận cầm, mua chiếc xe mô tô biển số: 61H1 - 283.26 từ Nguyễn Hữu

Lợi H nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội có được nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của người nam tên Nghĩa (không rõ nhân thân, lai lịch) nhận chiếc laptop hiệu Acer, màu bạc, bị bề màn hình từ Trần Minh H để trừ nợ. Do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D không có căn cứ làm rõ xử lý.

Đối với Trần Phương H3, Thạch Th, Nguyễn Hữu Lợi Ph1, Trương Hải M và Nguyễn Trung V không biết được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 – 7173 là tài sản do Đàm Trịnh Anh T trộm cắp của anh Trần Thanh B mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 111p màu trắng đen, số Imei: 356796/20/547666/9 của Đàm Trịnh Ph; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu vàng model A1688 Fee ID: BCG E29464 IC: 579C-E2946A; tiền Việt Nam 1.000.000 đồng của Nguyễn Trần Đức Tr, quá trình điều tra xác định đây là phương tiện và tiền thu lợi bất chính của các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện D đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với điện thoại di động, hiệu Oppo A37FW màu vàng, số Imei 1: 866346031752090 của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Ivvi Coolpad màu vàng đồng của Đàm Trịnh Ph, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của nhân của các bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện D đề nghị giao trả cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị hại Phạm Việt T1, Dương Ngọc A yêu cầu bị cáo Đàm Trịnh Anh T bồi thường thiệt hại tài sản do bị chiếm đoạt theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSĐT-HS ngày 05/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đàm Trịnh Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Đàm Trịnh Ph, Nguyễn Hữu Lợi H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trần Đức Tr về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đàm Trịnh Anh T từ 16 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Lợi H từ 13 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Đức Tr từ 10 đến 12 tháng tù.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 07 đến 09 tháng tù.
- + Xử phạt bị cáo Đàm Trịnh Ph từ 07 đến 09 tháng tù.

* Đề nghị xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110, màu đen trắng, số IMEI: 356796/20/547666/9 của Đàm Trịnh Ph; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu vàng, model A1688 FCC ID: BCG-E2946A IC: 579C-E2946A của Nguyễn Trần Đức Tr. Quá trình điều tra xác định đây là phương tiện do các bị cáo sở hữu hợp pháp và sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung Công quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Trần Đức Tr. Quá trình điều tra xác định tiền Tr có được do phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, hiệu Oppo A37FW màu vàng, số Imei 1: 866346031752090 của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Ivvi Coolpad màu vàng đồng của Đàm Trịnh Ph. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của các bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận T1 bộ hành vi phạm tội như sau: Vào các ngày 18/3; 28/3 và ngày 10/4/2020, tại khu vực thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, Đàm Trịnh Anh T có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đen xám bạc, biển số 61V1-7173, trị giá 21.000.000 đồng của anh Trần Thanh B; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại

Blade, màu đỏ, biển số 61H1-283.26, trị giá 11.000.000 đồng của anh Phạm Việt T1; 01 Laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc, trị giá 1.000.000 đồng; 01 Ipad (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng, trị giá 750.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2, màu hồng, trị giá 750.000 đồng của chị Dương Ngọc A. Sau đó, T nói cho Đàm Trịnh Ph, Nguyễn Hữu Lợi H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trần Đức Tr biết và nhờ tiêu thụ giúp, thì Đàm Trịnh Ph, Nguyễn Hữu Lợi H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trần Đức Tr đồng ý và giúp T tiêu thụ tài sản do phạm tội có được, để hưởng lợi vật chất (Trọng thu lợi 1.000.000 đồng; D thu lợi 400.000 đồng) và được T mua ma túy sử dụng chung. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15 và 16/KL-HĐĐG ngày 17/4/2020 và kết luận định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐG ngày 29/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1-7173, trị giá 21.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu đỏ, biển số 61H1-283.26, trị giá 11.000.000 đồng; 01 (một) Laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc (đã qua sử dụng), trị giá 1.000.000 đồng; 01 (một) Ipad (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng (đã qua sử dụng), trị giá 750.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2, màu hồng (đã qua sử dụng), trị giá 750.000 đồng. Tổng tài sản trong vụ án là 34.500.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 81/CT-VKSDT-HS ngày 05/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đàm Trịnh Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đàm Trịnh Ph, Nguyễn Hữu Lợi H1, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trần Đức Tr bị truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Đàm Trịnh Anh T có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng bị cáo bất chấp hậu quả, quyết tâm thực hiện tội phạm nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại, gây tâm lý bất an về hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Như vậy có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật.

Đối với các bị cáo Đàm Trịnh Ph, Nguyễn Hữu Lợi H1, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trần Đức Tr đã biết tài sản bị cáo T có được là do trộm cắp nhưng các bị cáo không tố giác mà còn giúp bị cáo T đem tài sản trộm được bán và cầm cố cho người khác để hưởng lợi tiền từ bị cáo T. Vì vậy, hành vi của các bị cáo bị xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là phù hợp pháp luật.

[4] Đối với bị cáo Đàm Trịnh Anh T không có tiền án, tiền sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g, khoản 1,

Điều 52 Bộ luật hình sự, tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Lợi H có 01 tiền án chưa được xóa án tích tại Bản án số 33/2019/HSST ngày 04/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đồng thời bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 17/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1527/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với thời hạn 24 tháng. Ngày 18/6/2015, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 19/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với thời hạn 24 tháng, tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 08 tháng tù theo Bản án số 51/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 và hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù theo Bản án số 183/2020/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 đã có hiệu lực pháp luật, hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo H được thực hiện sau hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Hội đồng xét xử chỉ xác định đây là nhân thân của bị cáo, đồng thời căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo H1.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Trần Đức Tr không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm Tr, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi: “Mua bán trái phép chất ma túy” của bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 08 năm tù theo Bản án số 52/2020/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 đã có hiệu lực pháp luật, hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của bị cáo Tr được thực hiện sau hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Hội đồng xét xử chỉ xác định đây là nhân thân của bị cáo, đồng thời căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Tr.

[7] Đối với bị cáo Đàm Trịnh Ph và bị cáo Nguyễn Văn D không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm Tr, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn huyện D. Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110 màu đen trắng, số Imei: 356796/20/547666/9 của Đàm Trịnh Ph; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s, màu vàng, model A1688 FCC ID: BCG-E2946A IC: 579C-E2946A và tiền Việt Nam 1.000.000 đồng của Nguyễn Trần Đức Tr. Quá trình điều tra xác định đây là phương tiện và tiền thu lợi bất chính của các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37FW, màu vàng, số Imei 1: 866346031752090 của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Ivvi Coolpad màu vàng đồng của Đàm Trịnh Ph. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của các bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra bị hại Phạm Việt T1 yêu cầu bị cáo Đàm Trịnh Anh T bồi thường số tiền 11.000.000 đồng, bị hại Dương Ngọc A yêu cầu bị cáo Đàm Trịnh Anh T bồi thường số tiền 2.500.000 đồng. Bị cáo Đàm Trịnh Anh T đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh T1 và bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Ông Trần Thanh B đã nhận lại tài sản, ông không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[12] Đối với hành vi của Trần Minh H biết rõ 01 (một) Laptop, nhãn hiệu ACER, màu bạc, 01 (một) Ipad (máy tính bảng), nhãn hiệu Samsung, màu trắng do Đàm Trịnh Anh T trộm cắp có được đã có dấu hiệu của tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên do trị giá tài sản H tiêu thụ là 1.750.000 đồng, không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự nên Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Minh H1, về hành vi nêu trên.

[13] Đối với hành vi của người nam (không rõ nhân thân, lai lịch) và Ngô Mạnh H2 nhận cầm, mua chiếc xe mô tô biển số: 61H1 - 283.26 từ Nguyễn Hữu Lợi H nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội có được nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với hành vi của người nam tên Nghĩa (không rõ nhân thân, lai lịch) nhận chiếc laptop hiệu Acer, màu bạc, bị bề màn hình từ Trần Minh H để trừ nợ. Do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện D không có căn cứ làm rõ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với Trần Phương H, Thạch Th, Nguyễn Hữu Lợi Ph1, Trương Hải M và Nguyễn Trung V không biết được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đen xám bạc, biển số: 61V1 – 7173 là tài sản do Đàm Trịnh Anh T trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

[16] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và điều luật đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đàm Trịnh Anh T (tên gọi khác C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Đàm Trịnh Anh T (tên gọi khác C) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2020.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Lợi H (tên gọi khác X); Nguyễn Trần Đức Tr (tên gọi khác B); Đàm Trịnh Ph (tên gọi khác G); Nguyễn Văn D (tên gọi khác N) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Lợi H (tên gọi khác X) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương và hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2020/HS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của 03 bản án là 05 (năm)

năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/4/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Đức Tr (tên gọi khác Bích) 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Xử phạt bị cáo Đàm Trịnh Ph (tên gọi khác G) 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D (tên gọi khác N) 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Đàm Trịnh Anh T (tên gọi khác C) phải bồi thường cho anh Phạm Việt T1 số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) và chị Dương Ngọc A số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Ghi nhận ông Trần Thanh B không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1110 màu đen trắng, số Imei: 356796/20/547666/9 của bị cáo Đàm Trịnh Ph; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu vàng, model A1688 FCC ID: BCG-E2946A IC: 579C-E2946A và tiền Việt Nam 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Trần Đức Tr. Số tiền 1.000.000 đồng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đang giữ theo biên lai thu số: AA/2016/0001368 ngày 14/01/2021.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37FW màu vàng, số Imei 1: 866346031752090.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Trịnh Ph 01 điện thoại di động hiệu IVVI COOLPAD màu vàng đồng.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/01/2021 và biên lai thu tiền số AA/2016/0001368 ngày 14/01/2021).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đàm Trịnh Anh T; Đàm Trịnh Ph; Nguyễn Hữu Lợi H1; Nguyễn Văn D và Nguyễn Trần Đức Tr mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đàm Trịnh Anh T phải nộp 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. Dầu Tiếng;
- PV 06-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quảng